



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017.

Số: /SCIEC - CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 0433 868 243

Fax : 0433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Chính Đại - Giám đốc công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 0433 868 243

Fax : 0433 868 243

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý II năm 2017 đã được soát xét của Công ty cổ phần SCI E&C được lập ngày 14/08/2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.sci-enc.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Chính Đại

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-39
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-39

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Hoàng Công Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên
Ông Triệu Quang Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc
Ông Hoàng Công Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên
Bà Quách Thị Thanh Thủy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2017



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 4) 3868 9566 / (+84 4) 3868 9588
Fax: (+84 4) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 575/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI E&C**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C được lập ngày 18 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0373-2014-126-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		611.569.899.061	435.903.486.693
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	98.942.603.585	59.401.556.239
111	1. Tiền		68.942.603.585	46.401.556.239
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	13.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	250.000.000	20.250.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000	20.250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		245.306.668.577	173.062.622.166
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	206.870.469.557	138.878.707.512
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	24.921.430.617	24.602.004.731
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.071.235.423	15.256.636.539
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(5.556.467.020)	(5.674.726.616)
140	IV. Hàng tồn kho	9	255.404.107.530	175.237.601.632
141	1. Hàng tồn kho		255.404.107.530	175.258.639.164
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(21.037.532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.666.519.369	7.951.706.656
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.321.280.856	645.524.347
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.256.222.980	7.123.208.569
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	89.015.533	182.973.740
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		147.147.867.263	130.697.622.995
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		440.000.000	310.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	440.000.000	310.000.000
220	II. Tài sản cố định		122.529.457.169	122.936.838.261
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	122.529.457.169	122.936.838.261
222	- Nguyên giá		188.955.465.116	178.972.982.389
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(66.426.007.947)	(56.036.144.128)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		350.712.500	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		350.712.500	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	20.000.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.827.697.594	7.450.784.734
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.827.697.594	7.450.784.734
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		758.717.766.324	566.601.109.688

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		632.789.776.749	439.319.939.719
310	I. Nợ ngắn hạn		587.999.762.977	400.115.527.382
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	76.952.448.177	80.338.248.363
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		167.229.971.666	83.439.894.636
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.592.206.780	341.969.177
314	4. Phải trả người lao động		21.064.434.188	18.386.695.949
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	22.326.879.870	10.681.915.081
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	13.768.610.696	2.673.560.128
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	283.619.719.123	202.806.148.843
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.445.492.477	1.447.095.205
330	II. Nợ dài hạn		44.790.013.772	39.204.412.337
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	44.790.013.772	39.204.412.337
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		125.927.989.575	127.281.169.969
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	125.927.989.575	127.281.169.969
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		7.304.985.925	6.750.741.041
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.623.003.650	20.530.428.928
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		14.380.586.772	20.530.428.928
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		4.242.416.878	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		758.717.766.324	566.601.109.688

(Handwritten signatures)



Lê Thị Thu Hiền
Người lập

Phan Thanh Hải
Kế toán trưởng


Nguyễn Chính Đại
Giám đốc


Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	286.409.601.962	109.183.386.312
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		286.409.601.962	109.183.386.312
11	4. Giá vốn hàng bán	20	256.997.940.589	91.971.843.866
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.411.661.373	17.211.542.446
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.286.986.398	4.408.890.992
22	7. Chi phí tài chính	22	12.353.141.723	6.098.927.492
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.297.654.058	5.952.055.165
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	12.885.839.676	11.563.668.989
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.459.666.372	3.957.836.957
31	11. Thu nhập khác		37.448.441	556.297.139
32	12. Chi phí khác		177.776.209	252.316.946
40	13. Lợi nhuận khác		(140.327.768)	303.980.193
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.319.338.604	4.261.817.150
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	1.076.921.726	691.826.819
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.242.416.878	3.569.990.331
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25		357


Lê Thị Thu Hiền
Người lập


Phan Thanh Hải
Kế toán trưởng


Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘKỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.319.338.604	4.261.817.150
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.389.863.819	6.265.031.477
03	- Các khoản dự phòng		(139.297.128)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(71.175.814)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.173.826.891)	(2.198.562.878)
06	- Chi phí lãi vay		12.297.654.058	5.952.055.165
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.622.556.648	14.280.340.914
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(76.366.523.407)	10.755.958.498
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(80.145.468.366)	(52.877.430.681)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		102.192.356.594	10.180.696.439
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.947.330.631	(340.443.994)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	18.286.671.886
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.499.480.614)	(5.970.771.961)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(4.308.548.679)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(483.726.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(36.249.228.514)	(10.477.253.978)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.801.539.413)	(10.622.788.818)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(20.000.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.192.643.558	1.086.896.211
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.608.895.855)	(29.535.892.607)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		286.134.072.928	153.188.294.741
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(199.734.901.213)	(122.711.956.609)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		81.399.171.715	30.476.338.132

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		39.541.047.346	(9.536.808.453)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		59.401.556.239	17.799.277.018
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>98.942.603.585</u>	<u>8.262.468.565</u>

Lê Thị Thu Hiền
Người lập

Phan Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Hoạt động kinh doanh của Công ty là (tiếp theo):

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:
Công ty CP SCI E&C - Chi nhánh Miền Nam

Địa chỉ
Sóc Trăng

Hoạt động kinh doanh chính
Xây lắp

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.882.075.896	579.364.526
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.060.527.689	45.822.191.713
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	13.000.000.000
	<u>98.942.603.585</u>	<u>59.401.556.239</u>

Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng từ ngày 14/06/2017 đến 14/07/2017 theo các hợp đồng tiền gửi 06/HDTG và 07/HDTG với lãi suất cố định là 4,3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	20.250.000.000	20.250.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
- Các khoản đầu tư khác	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
- Trái phiếu (*)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
	<u>20.250.000.000</u>	<u>20.250.000.000</u>	<u>20.250.000.000</u>	<u>20.250.000.000</u>

(*) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng, số lượng 20 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu từ ngày 29/06/2016 đến ngày 29/06/2021. Lãi trái phiếu thanh toán 1 năm/lần vào ngày 29/06 hàng năm. Khoản đầu tư trái phiếu được hình thành từ hợp đồng ủy thác đầu tư số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần SCI	46.821.699.270	32.440.407.308
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	65.231.605.073	47.897.848.488
Chi nhánh TCT Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28.227.538.991	7.269.199.361
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	16.436.058.034	10.437.388.236
VPĐD TCT Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	14.734.917.271	9.358.490.926
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	8.331.926.112	3.370.553.878
Công ty Cổ phần Licogi 13	6.343.046.996	6.843.046.996
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.743.677.810	21.261.772.319
	206.870.469.557	138.878.707.512
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	206.870.469.557	138.878.707.512
	206.870.469.557	138.878.707.512
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	112.053.304.343	80.338.255.796
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty TNHH TM GUANGZHOU YAOHUANG	3.812.300.000	-	16.433.458.542	-
Công ty TNHH TVT Hà Nam	2.280.128.439	-	1.120.500.000	-
Công ty CP cơ khí chế tạo An Thuận Phát	1.946.242.402	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn XD&TM Thành Vinh	2.913.591.615	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	13.969.168.161	-	7.048.046.189	-
	24.921.430.617	-	24.602.004.731	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.769.444	-	1.098.586.111	-
Phải thu người lao động	1.291.287.640	-	363.311.357	-
Tạm ứng	9.405.358.563	-	6.703.212.231	-
Ký cược, ký quỹ	3.500.000	-	85.960.000	-
Phải thu tiền vật tư tạm ứng công trình	2.519.776.236	-	3.871.868.181	-
Công ty Cổ phần SXTM và KY toàn cầu Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần SCI (tiền thuế nhà thầu tạm nộp Công trình Nam Thenun	2.133.231.615	-	427.617.087	-
Phải thu khác	2.340.161.925	-	1.407.931.572	-
	19.071.235.423	-	15.256.636.539	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	440.000.000	-	310.000.000	-
	440.000.000	-	310.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Chi nhánh TCT Thành An tại Hoà Bình	266.288.815	-	266.288.815	-
- Công ty CAVICO VN xây dựng giao thông	70.000.737	-	70.000.737	-
- Công ty CP xây lắp và phát triển Thành Nam	6.248.083.094	3.124.041.547	6.248.083.094	4.373.658.166
- Công ty CP Licogi 13	6.343.046.996	6.343.046.996	6.843.046.996	4.790.132.897
- Công ty CP Xây dựng dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	1.712.594.711	3.425.189.422	2.397.632.595
- Các khoản khác	383.541.210	-	383.541.210	-
	16.736.150.274	11.179.683.254	17.236.150.274	11.561.423.658

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.814.400.690	-	26.963.887.018	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	229.589.706.840	-	148.294.752.146	-
	255.404.107.530	-	175.258.639.164	(21.037.532)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	11.221.128.927	113.756.284.945	53.579.922.510	415.646.007	-	178.972.982.389
- Mua trong kỳ	-	4.646.472.728	5.296.459.999	39.550.000	-	9.982.482.727
Số dư cuối kỳ	11.221.128.927	118.402.757.673	58.876.382.509	455.196.007	-	188.955.465.116
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.517.637.016	30.686.201.511	18.526.911.757	305.393.844	-	56.036.144.128
- Khấu hao trong kỳ	140.264.112	6.625.738.192	3.588.786.939	35.074.576	-	10.389.863.819
Số dư cuối kỳ	6.657.901.128	37.311.939.703	22.115.698.696	340.468.420	-	66.426.007.947
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	4.703.491.911	83.070.083.434	35.053.010.753	110.252.163	-	122.936.838.261
Tại ngày cuối kỳ	4.563.227.799	81.090.817.970	36.760.683.813	114.727.587	-	122.529.457.169
Trong đó:						
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						8.797.219.270 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	556.375.643	628.643.316
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	764.905.213	16.881.031
	<u>1.321.280.856</u>	<u>645.524.347</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	471.418.199	1.893.053.430
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.356.279.395	5.557.731.304
	<u>3.827.697.594</u>	<u>7.450.784.734</u>

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	20.759.294.191	20.759.294.191	10.519.685.177	10.519.685.177
Công ty CP SCI	9.957.029.142	9.957.029.142	13.735.674.564	13.735.674.564
Công ty TNHH SX&TM Bắc Việt	4.411.105.364	4.411.105.364	3.959.547.327	3.959.547.327
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash	4.265.300.000	4.265.300.000	2.988.300.000	2.988.300.000
Phải trả các đối tượng khác	37.559.719.480	37.559.719.480	49.135.041.295	49.135.041.295
	<u>76.952.448.177</u>	<u>76.952.448.177</u>	<u>80.338.248.363</u>	<u>80.338.248.363</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	76.952.448.177	76.952.448.177	80.338.248.363	80.338.248.363
	<u>76.952.448.177</u>	<u>76.952.448.177</u>	<u>80.338.248.363</u>	<u>80.338.248.363</u>
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)				
Phải trả người bán là các bên liên quan	9.977.458.528	9.977.458.528	13.895.254.688	13.895.254.688

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ KT Dầu khí VN - BDA Nhiệt điện Long Phú	94.383.164.002	29.370.854.216
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	71.082.807.664	49.713.253.462
Công nợ khác	1.764.000.000	4.355.786.958
	<u>167.229.971.666</u>	<u>83.439.894.636</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	6.469.086.961	6.170.011.904	-	299.075.057	-	-	-	299.075.057
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	52.863.721	-	1.076.921.726	-	-	1.024.058.005	-	-	-	1.024.058.005
Thuế Thu nhập cá nhân	-	297.174.127	399.339.801	472.235.260	-	224.278.668	-	-	-	224.278.668
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	130.110.019	-	41.094.486	-	-	-	89.015.533	-	-	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	-	-	-	-	-	-	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.604.543	-	-	-	-	-	-	-	39.604.543
	182.973.740	341.969.177	7.986.442.974	6.642.247.164	89.015.533	1.592.206.780	89.015.533	1.592.206.780		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	771.594.055	372.507.333
- Trích trước chi phí các công trình	21.015.462.015	9.774.321.831
- Chi phí phải trả khác	539.823.800	535.085.917
	<u><u>22.326.879.870</u></u>	<u><u>10.681.915.081</u></u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	297.241.864	170.996.681
- Bảo hiểm xã hội	403.867.343	268.331.419
- Bảo hiểm y tế	6.552.015	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.368.010	38.332.320
- Phải trả vật tư tạm nhập chưa có hóa đơn	3.000.553.017	1.121.024.000
- Phải trả Công ty TNHH Petro Lào	9.033.920.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.022.108.447	1.074.875.708
	<u><u>13.768.610.696</u></u>	<u><u>2.673.560.128</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	181.812.149.067	181.812.149.067	279.969.253.106	185.887.074.980	275.894.327.193	275.894.327.193
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	118.647.529.279	118.647.529.279	246.920.072.439	143.660.945.423	221.906.656.295	221.906.656.295
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽²⁾	47.164.619.788	47.164.619.788	24.549.180.667	22.726.129.557	48.987.670.898	48.987.670.898
- Công ty Cổ phần SCI	14.200.000.000	14.200.000.000	-	14.200.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu ⁽³⁾	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân ⁽⁴⁾	1.800.000.000	1.800.000.000	5.500.000.000	5.300.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	20.993.999.776	20.993.999.776	-	13.268.607.846	7.725.391.930	7.725.391.930
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Tây	17.429.249.776	17.429.249.776	-	11.560.357.846	5.868.891.930	5.868.891.930
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3.564.750.000	3.564.750.000	-	1.708.250.000	1.856.500.000	1.856.500.000
	202.806.148.843	202.806.148.843	279.969.253.106	199.155.682.826	283.619.719.123	283.619.719.123
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁵⁾	28.052.944.650	4.279.144.000	5.889.819.822	390.968.387	33.551.796.085	33.551.796.085
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁶⁾	11.151.467.687	11.151.467.687	275.000.000	188.250.000	11.238.217.687	11.238.217.687
	39.204.412.337	15.430.611.687	6.164.819.822	579.218.387	44.790.013.772	44.790.013.772

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/2017/283367/HBTĐ ngày 17/03/2017	700.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bao lãnh, mở LC	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	221.906.656.295	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng tín dụng số 16174/HBTĐ.DAH ngày 22/07/2016	50.000.000.000	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp tín dụng là đến 31/07/2017	48.987.670.898	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Công ty Cổ phần SCI Lai Châu Hợp đồng tín dụng số 1704/2017/HBTĐ 17/04/2017	3.000.000.000	Lãi suất vay cố định là 5,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	06 tháng kể từ ngày 17/04/2017 đến 16/10/2017	3.000.000.000	Tín chấp
4	Vay cá nhân khác Hợp đồng vay ông Nguyễn Công Hòa	1.000.000.000	Lãi suất cố định 4,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Kể từ ngày 28/04/2017 đến 03/07/2017	1.000.000.000	Tín chấp
	Hợp đồng vay ông Phan Thanh Hải	1.000.000.000	Lãi suất cố định 4,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kể từ ngày 28/04/2017 đến 03/07/2017	1.000.000.000	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây						
	Hợp đồng tín dụng số 03/2014/283367/HĐTĐ ngày 20/11/2014	4.193.000.000	Lãi suất trước 31/12/2014 là 11%/năm; Sau thời điểm này, lãi suất áp dụng thả nổi và điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 5)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	1.886.850.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2014/283367/HĐTĐ ngày 18/12/2014	6.195.600.000	Lãi suất ban đầu là 11%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 6)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	3.270.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/283367/HĐTĐ ngày 02/02/2015	950.000.000	Lãi suất ban đầu là 10,5%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua xe BMW 320i	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	422.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTĐ ngày 05/03/2015	1.799.000.000	Lãi suất ban đầu là 10,5%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 7)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	888.334.250	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTĐ ngày 11/08/2015	11.470.014.114	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	7.489.411.765	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2015/283367/HĐTĐ ngày 28/09/2015	3.111.500.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1.588.748.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTĐ ngày 31/08/2016	8.075.200.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6.395.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 02/2016/283367/HĐTĐ ngày 26/09/2016	642.000.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua máy hàn cần cột và cân điện tử	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	496.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTĐ ngày 14/10/2016	4.235.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2.2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	3.360.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HĐTĐ ngày 14/10/2016	502.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua cân điện tử và máy nén khí	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	328.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HĐTĐ ngày 03/11/2016	13.571.293.400	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 3.1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	10.690.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTĐ ngày 05/06/2017	1.964.144.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1.964.144.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTĐ ngày 05/06/2017	642.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3.2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	642.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh						
	Hợp đồng vay số DAH- HECTD/14102 ngày 24/10/2014	1.875.000.000	Lãi suất cố định 10,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau được điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua máy móc thiết bị	42 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	432.750.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 15189/TH.HHTD.DAH ngày 26/08/2015	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	Mua tài tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Sormi Romóc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	574.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 16135/TH/HHTD.DAH ngày 30/05/2016	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	12.087.967.687	Tài sản hình thành từ vốn vay



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	100.000.000.000	4.722.740.999	19.885.063.100	124.607.804.099
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	3.569.990.331	3.569.990.331
Phân phối lợi nhuận	-	2.028.000.042	(3.109.600.064)	(1.081.600.022)
Giảm khác	-	-	(274.800.000)	(274.800.000)
Số dư cuối kỳ trước	100.000.000.000	6.750.741.041	20.070.653.367	126.821.394.408
Số dư đầu kỳ này	100.000.000.000	6.750.741.041	20.530.428.928	127.281.169.969
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	4.242.416.878	4.242.416.878
Chi trả cổ tức năm trước ⁽¹⁾	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	554.244.884	(849.842.156)	(295.597.272)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	7.304.985.925	18.623.003.650	125.927.989.575

(1) Khoản lợi nhuận năm 2015 dùng để chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01-NQ/SICCO/HĐCĐ ngày 28/04/2016.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ/SICCO/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2017, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.029.765.892
Các khoản giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế		334.800.000
Lợi nhuận phân phối	100,00%	3.694.965.892
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	554.244.884
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	295.597.272
Lợi nhuận chưa phân phối	77,00%	2.845.123.736

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần SCI	51,00%	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SIFO	13,00%	13.000.000.000	13,00%	13.000.000.000
Cổ đông khác	36,00%	36.000.000.000	36,00%	36.000.000.000
	100%	100.000.000.000	100%	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

d) Cổ phiếu

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

đ) Cổ tức

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	5.000.000.000
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	5.000.000.000
	<u>-</u>	<u>5.000.000.000</u>

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.304.985.925	6.750.741.041
	<u>7.304.985.925</u>	<u>6.750.741.041</u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	847,48	162,95

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	10.575.772.556	2.935.110.812
Doanh thu cung cấp dịch vụ	697.342.908	2.007.246.042
Doanh thu hợp đồng xây dựng	275.136.486.498	104.241.029.458
	<u>286.409.601.962</u>	<u>109.183.386.312</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	245.873.922.159	87.862.575.597
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.478.967.557	2.459.432.729
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	645.050.873	1.649.835.540
	256.997.940.589	91.971.843.866

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.173.826.891	1.168.562.878
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.210.328.114
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.030.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	41.983.693	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	71.175.814	-
	1.286.986.398	4.408.890.992

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.297.654.058	5.952.055.165
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	55.487.665	107.766.258
Chi phí tài chính khác	-	39.106.069
	12.353.141.723	6.098.927.492

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.093.857.719	1.283.671.245
Chi phí nhân công	4.677.817.492	5.326.800.597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	386.339.300	536.441.964
Thuế, phí, lệ phí	335.755.880	187.049.779
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(118.259.596)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.720.972.155	2.278.964.672
Chi phí khác bằng tiền	3.789.356.726	1.950.740.732
	12.885.839.676	11.563.668.989

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.319.338.604	4.261.817.150
Các khoản điều chỉnh tăng	65.270.027	227.316.946
- Chi phí không hợp lệ	65.270.027	227.316.946
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.030.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(1.030.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.384.608.631	3.459.134.096
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.076.921.726	691.826.819

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.242.416.878	3.569.990.331
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.242.416.878	3.569.990.331
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	424	357

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.226.313.693	52.735.782.182
Chi phí nhân công	44.230.000.000	9.012.855.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.389.863.819	6.265.031.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.344.598.581	42.911.701.194
Chi phí khác bằng tiền	55.546.684.796	31.129.899.385
	355.737.460.889	142.055.270.056

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.942.603.585	-	59.401.556.239	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	226.381.704.980	(5.556.467.020)	154.445.344.051	(5.674.726.616)
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	20.250.000.000	-
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-	-	-
	345.574.308.565	(5.556.467.020)	234.096.900.290	(5.674.726.616)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	328.409.732.895	242.010.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác	90.721.058.873	83.011.808.491
Chi phí phải trả	22.326.879.870	10.681.915.081
	441.457.671.638	335.704.284.752

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản trương đương tiền	98.942.603.585	-	-	98.942.603.585
Phải thu khách hàng, phải thu khác	220.385.237.960	440.000.000	-	220.825.237.960
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	<u>319.577.841.545</u>	<u>20.440.000.000</u>	<u>-</u>	<u>340.017.841.545</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản trương đương tiền	59.401.556.239	-	-	59.401.556.239
Phải thu khách hàng, phải thu khác	148.460.617.435	310.000.000	-	148.770.617.435
Đầu tư ngắn hạn	20.250.000.000	-	-	20.250.000.000
	<u>228.112.173.674</u>	<u>310.000.000</u>	<u>-</u>	<u>228.422.173.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	283.619.719.123	44.790.013.772	-	328.409.732.895
Phải trả người bán, phải trả khác	90.721.058.873	-	-	90.721.058.873
Chi phí phải trả	22.326.879.870	-	-	22.326.879.870
	<u>396.667.657.866</u>	<u>44.790.013.772</u>	<u>-</u>	<u>441.457.671.638</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	202.806.148.843	39.204.412.337	-	242.010.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác	83.011.808.491	-	-	83.011.808.491
Chi phí phải trả	10.681.915.081	-	-	10.681.915.081
	<u>296.499.872.415</u>	<u>39.204.412.337</u>	<u>-</u>	<u>335.704.284.752</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Theo khu vực địa lý

	Lãnh thổ Việt Nam VND	Lãnh thổ nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.977.101.125	68.432.500.837	286.409.601.962
Tài sản bộ phận	660.090.359.117	98.627.407.207	758.717.766.324
Tổng chi phí mua TSCĐ	9.982.482.727	-	9.982.482.727



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:
(riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2017	2016
		VND	VND
Mua hàng hóa dịch vụ		3.839.714.106	8.345.719.645
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	3.532.671.885	8.345.719.645
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	307.042.221	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		191.415.197.158	2.036.760.909
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	68.225.080.043	2.036.760.909
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	123.190.117.115	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		112.053.304.343	80.338.255.796
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	46.821.699.270	32.440.407.308
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	65.231.605.073	47.897.848.488
Phải trả người bán ngắn hạn		9.977.458.528	13.895.254.688
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	9.957.029.142	13.735.674.564
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty cùng	20.429.386	159.580.124
Người mua trả tiền trước		71.082.807.664	52.305.040.420
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	-	2.591.786.958
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	71.082.807.664	49.713.253.462

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.489.874.957	1.182.280.929

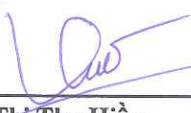
CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội


Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

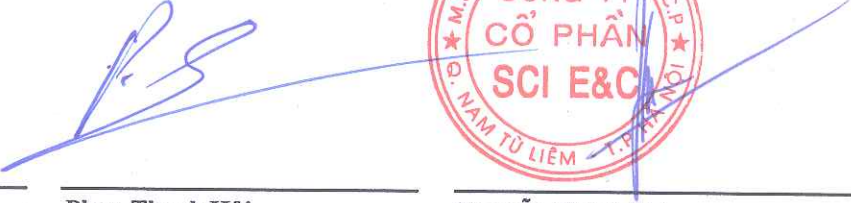
Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Lê Thị Thu Hiền
Người lập



Phan Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc



Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2017

